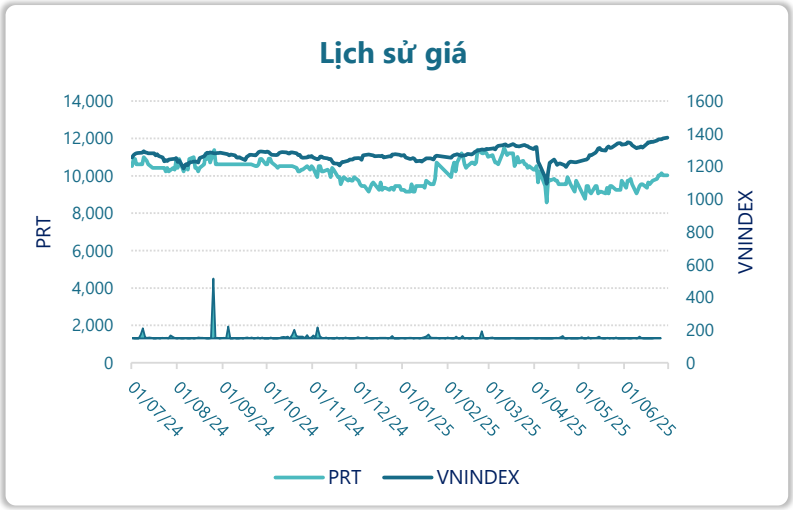
FireAnt

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,495
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,572
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,315
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,090
P/E	185.9
EPS	55

DT thuần

Q2/25

175

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0| -8.7%

YoY: ▼90.0| -33.8%

LN sau thuế

Q2/25

0.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.57| 111%

YoY: ▼50.2| -98.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.9%

+/- YoY: ▼ 25.1%

DT thuần

6T 2025

368

tỷ VNĐ

YoY: ▼71.0| -16.2%

LN sau thuế

6T 2025

-6.93

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.4| -182%

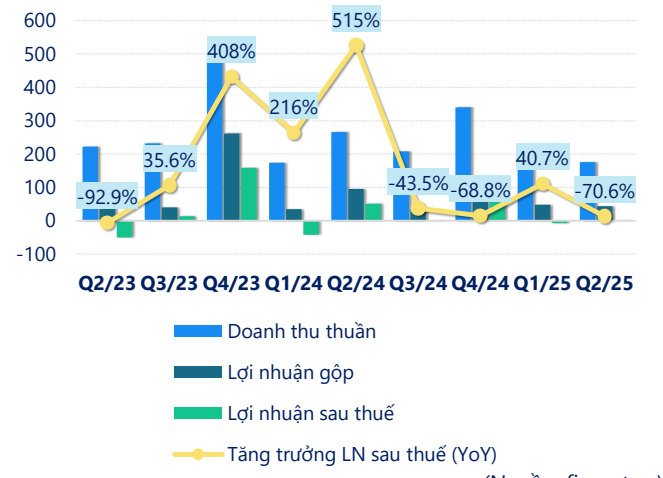
ROE

Q2/25

0.4%

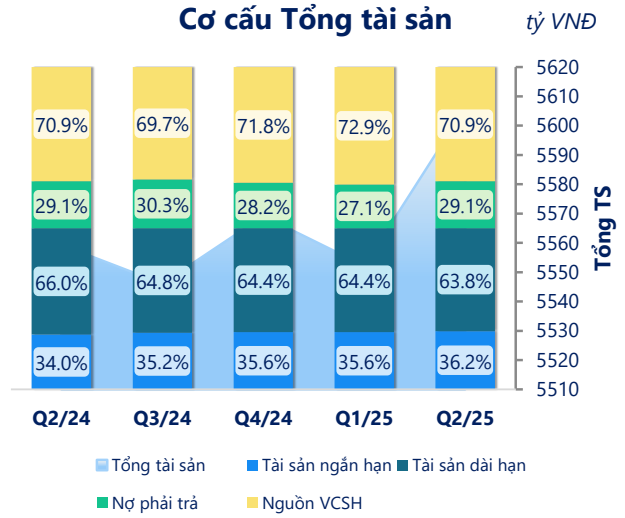
+/- YoY: ▼ 3.8%

Kết quả kinh doanh



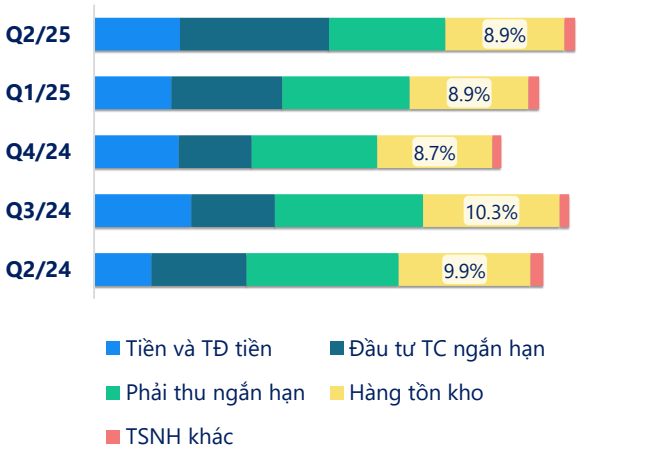
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



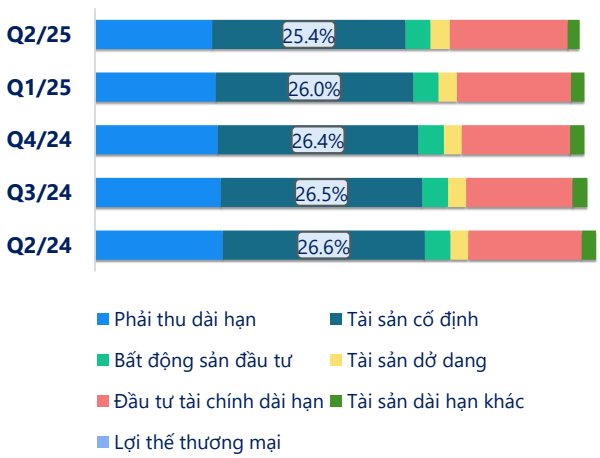
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



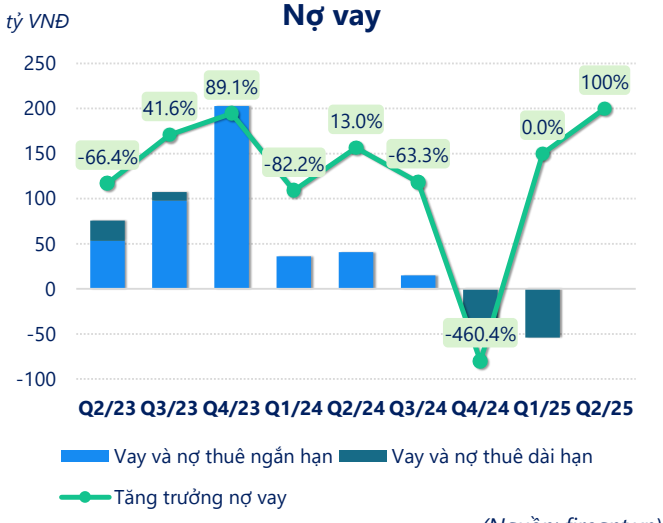
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



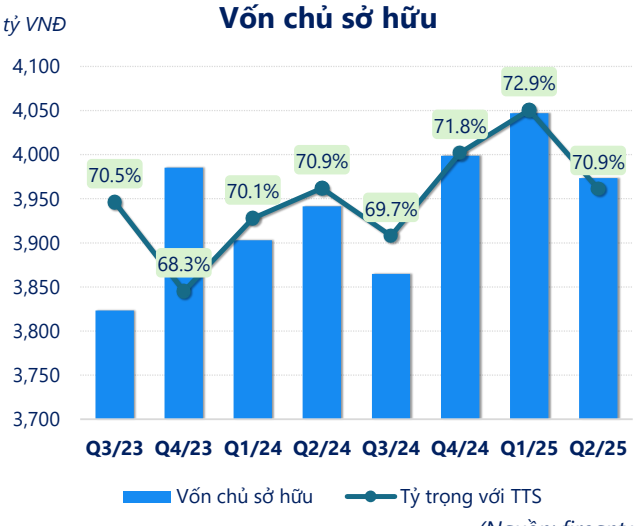
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



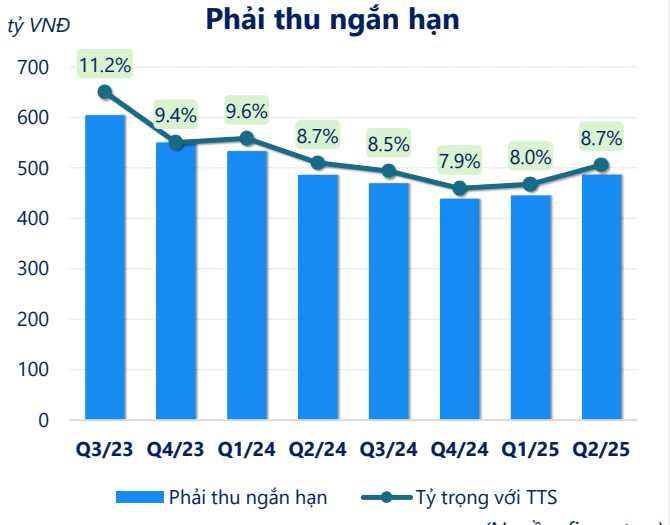
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



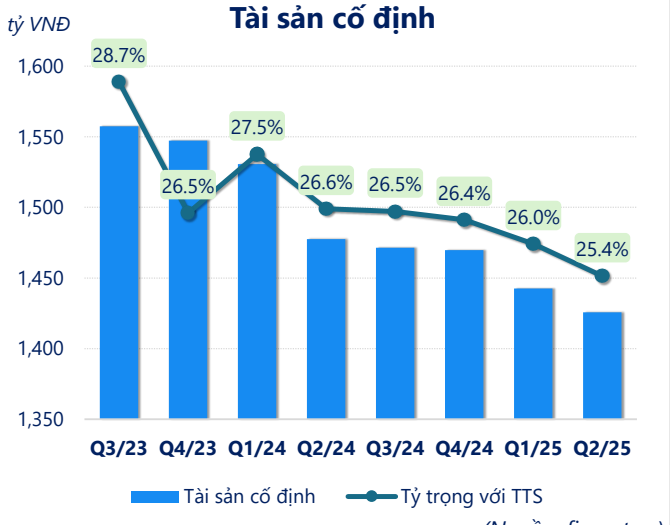
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



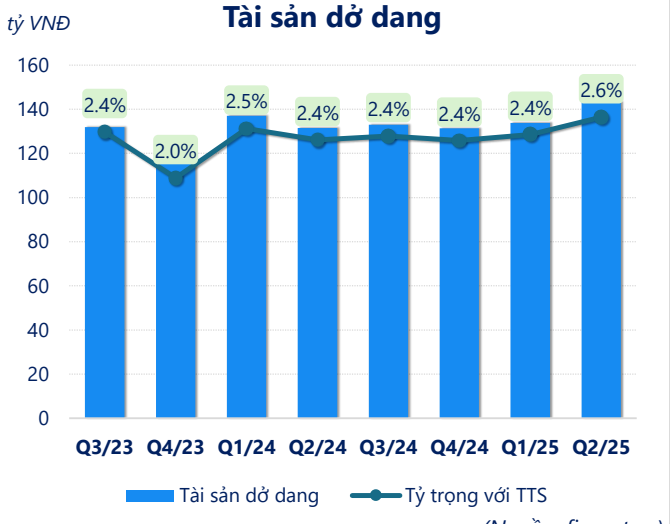
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



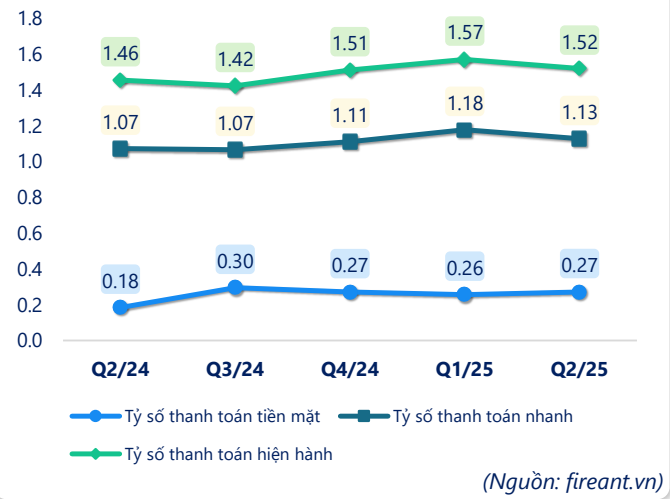
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



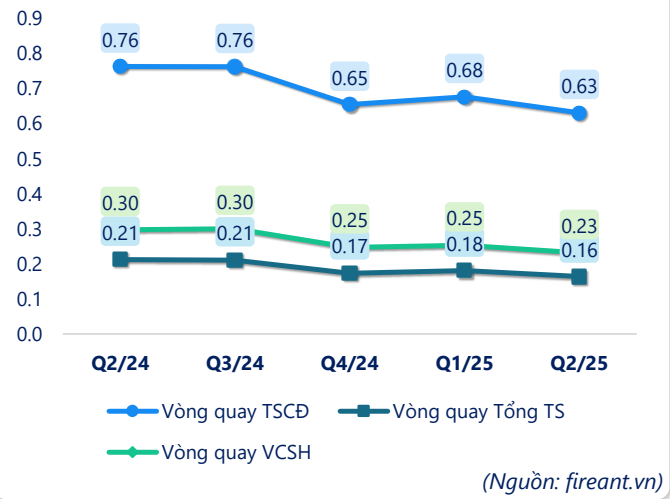
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,559**	**5,546**	**5,569**	**5,552**	**5,606**
Tài sản ngắn hạn	**1,893**	**1,952**	**1,980**	**1,975**	**2,029**
Tiền và tương đương tiền	239	405	355	323	362
Đầu tư tài chính ngắn hạn	624	545	622	667	611
Phải thu ngắn hạn	486	469	439	446	487
Hàng tồn kho	498	490	524	494	525
Tài sản ngắn hạn khác	45.9	42.8	40.5	45.7	43.8
Tài sản dài hạn	**3,667**	**3,594**	**3,589**	**3,578**	**3,578**
Phải thu dài hạn	936	918	901	883	865
Tài sản cố định	1,478	1,471	1,470	1,442	1,426
Bất động sản đầu tư	188	188	187	186	185
Tài sản dở dang	131	133	131	134	143
Đầu tư tài chính dài hạn	829	775	794	834	870
Tài sản dài hạn khác	104	108	106	97.7	88.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,618**	**1,682**	**1,571**	**1,505**	**1,633**
Nợ ngắn hạn	**1,300**	**1,371**	**1,310**	**1,257**	**1,334**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.8	15.0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.5	8.32	25.9	22.3	23.4
Nợ dài hạn	317	310	260	248	298
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	-54.0	-54.0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,941**	**3,865**	**3,999**	**4,047**	**3,973**
Vốn chủ sở hữu	**3,941**	**3,865**	**3,999**	**4,047**	**3,973**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)